

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08-01-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4041/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Đường QĐ, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Đại Q, sinh năm 1967; hiện trú tại: CND

Chị T và anh Q đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Chị Đinh Thị T trình bày:

Chị T và anh Hoàng Đại Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng ngày 28/01/2011. Sau khi kết hôn anh chị chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính cách không hợp nhau. Sau đó, do điều kiện công việc anh Hoàng Đại Q sang Canada sinh sống và làm việc, Chị T vẫn ở Việt Nam. Thời gian Chị T và anh Q sống xa nhau nên Chị T không có điều kiện chăm sóc, giúp đỡ anh Q trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không có nhiều thời gian bên nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trên thực tế hiện nay, anh chị sống mỗi người một nước, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Tuy đã được

2 bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Bản thân anh chị và gia đình cũng đã cố gắng hòa giải để hòa hợp nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm không, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mâu thuẫn không thể khắc phục nên Chị T đề nghị Tòa án được ly hôn với Anh Hoàng Đại Q.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn, đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đồng thời ủy quyền cho Chị T nhận văn bản tố tụng của Tòa án (đã hợp pháp hóa lãnh sự) Anh Hoàng Đại Q thống nhất trình bày về điều kiện kết hôn, lý do xin ly hôn như Chị T.

Do Anh Hoàng Đại Q ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa Chị Đinh Thị T và Anh Hoàng Đại Q đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị T và Anh Hoàng Đại Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 01 năm 2011 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Đinh Thị T và Anh Hoàng Đại Q đều có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, Anh Hoàng Đại Q hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Đinh Thị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Hoàng Đại Q hiện đang ở nước ngoài nên vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ủy quyền cho Chị Đinh Thị T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị T và anh Q.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính cách không hợp nhau. Sau đó do điều kiện công việc anh Hoàng Đại Q sang Canada sinh sống và làm việc, Chị T vẫn ở Việt Nam. Do Chị T và anh Q sống xa nhau nên không có điều kiện chăm sóc, giúp đỡ nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Bản thân anh chị và gia đình cũng đã cố gắng hòa giải để hòa hợp nhưng không có kết quả. Nay Chị T xác định tình cảm không còn, nên việc Chị T đề nghị được ly hôn với anh Q là hoàn toàn chính đáng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa Chị Đinh Thị T và Anh Hoàng Đại Q đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đề nghị ly hôn của Chị T.

[4]. Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đinh Thị T và Anh Hoàng Đại Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; Điều 238; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T được ly hôn với Anh Hoàng Đại Q.
2. Về con chung và tài sản chung: Chị T và anh Q không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001519 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Đinh Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Anh Hoàng Đại Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Mạnh

Đỗ Xuân Quyết

Lương Ngọc Dũng